TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – QUẢNG NINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15); khoản 2 Điều 149; Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giam, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đinh Thị B, sinh năm 1991; căn cước số 0221xxxxxxxx, do Bộ C cấp ngày 11/5/2026; nơi cư trú: .

2. Anh Tô Văn T, sinh năm 1990; căn cước công dân số 0220xxxxxxxx, do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 07/8/2023; nơi cư trú: .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 26 tháng 8 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ninh, nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị B và anh Tô Văn T đăng ký kết hôn ngày 19/01/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ninh) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau, chị B và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B và anh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mẫu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa chị B và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh T.

[2] Về con chung: chị Đinh Thị B và anh Tô Văn T có 02 (hai) con chung là Tô Anh T1, sinh ngày 13/01/2011 và Tô Trấn T2, sinh ngày 05/11/2013. Chị B và anh T thỏa thuận sau khi ly hôn chị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung (một triệu năm trăm nghìn đồng/một tháng/một con chung) vào ngày mồng 10 hằng tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của người yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Anh Tô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị Đinh Thị B và anh Tô Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: chị Đinh Thị B và anh Tô Văn T thỏa thuận chị Đinh Thị B tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 26 tháng 8 năm 2026, chị B và anh T đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con và lệ phí. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Đinh Thị B và anh Tô Văn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* chị Đinh Thị B và anh Tô Văn T có 02 (hai) con chung. Chị B và anh T thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn, chị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 (hai) con chung Tô Anh T1, sinh ngày 13/01/2011 và Tô Trấn T2, sinh ngày 05/11/2013 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung (một triệu năm trăm nghìn đồng/một

tháng/một con chung) vào ngày mồng 10 hằng tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, khoản nợ chung:* không có.

- *Về lệ phí:* chị Đinh Thị B tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000468 ngày 06/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh (nay là thành phố) Quảng Ninh. Chị B còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh Tô Văn T được hoàn trả lại số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000468 ngày 06/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh (nay là thành phố) Quảng Ninh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Quảng Ninh;*
- *VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;*
- *UBND xã Tiên Yên, thành phố Quảng Ninh;*
- *Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương